

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THƯƠNG MẠI VÀ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ**

Hệ đào tạo: Đại học chính quy
Ngành: Công nghệ thông tin, chuyên ngành Tin ứng dụng

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: THƯƠNG MẠI VÀ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ
(Commercial and electronic banking)
- Mã học phần: DCT.02.14
- Số tín chỉ: 3
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động: (số lượng tiết)
 - + Lý thuyết: 27 tiết
 - + Bài tập, Kiểm tra: 15 tiết.
 - + Thực hành, thảo luận: 6 tiết.
- Khoa, Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tin ứng dụng Khoa CNTT
- Giảng viên phụ trách học phần (dự kiến):
 - + Họ và tên: TS. Phùng Văn Ổn
 - + Chức danh: Chuyên viên cao cấp, GV chính
 - + Thông tin liên hệ: ĐT: 0913243623; Email: onphungvan@gmail.com

2. Các học phần tiên quyết

Các học phần tiên quyết:

- Tin đại cương (Mã số DCT.02.01)
- Hệ cơ sở dữ liệu (Mã số DCT.02.08)

3. Mục tiêu của học phần:

3.1 Mục tiêu chung:

Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức về thương mại điện tử, các dịch vụ ngân hàng điện tử, các mô hình thương mại điện tử và các ứng dụng kinh doanh của công nghệ này.

3.2 Mục tiêu cụ thể

a) Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức về ngân hàng điện tử, các mô hình thương mại điện tử và các ứng dụng kinh doanh của công nghệ này.

b) Về kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích, thiết kế và tham gia vận hành các hệ thống thương mại điện tử và ngân hàng điện tử.

c) Về thái độ: Giúp sinh viên nhận thức được vai trò, trách nhiệm của người làm kỹ thuật tin học: cẩn thận, làm việc từng bước theo đúng quy trình.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

4.1. Nội dung chuẩn đầu ra học phần:

1) Về kiến thức:

CLO 1: Vận dụng được các kiến thức để phân tích yêu cầu nghiệp vụ của hệ thống thương mại điện tử, ngân hàng điện tử trong doanh nghiệp.

CLO 2: Vận dụng được các kiến thức để xây dựng các hệ thống thương mại điện tử trong doanh nghiệp.

CLO 3: Vận dụng được các kiến thức để xây dựng giải pháp bảo đảm an toàn hệ thống thương mại điện tử, ngân hàng điện tử trong doanh nghiệp.

2) Về kỹ năng

CLO 4: Có kỹ năng đánh giá hoạt động của hệ thống thương mại điện tử, ngân hàng điện tử trong doanh nghiệp.

CLO 5: Có kỹ năng lãnh đạo, làm việc nhóm trong các hoạt động thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin.

CLO 6: Có kỹ thuyết trình về hệ thống thương mại điện tử, ngân hàng điện tử trong doanh nghiệp..

3) Về phẩm chất

CLO 7: Có phẩm chất chính trị; có trách nhiệm công dân, trách nhiệm cộng đồng. Có đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần hợp tác và thái độ phục vụ tốt. Năng động, có hoài bão về nghề nghiệp.

Ghi chú: CLO = Course Learning Outcomes = Chuẩn đầu ra của học phần.

4.2. Ma trận nhất quán giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO):

| | PLO1 | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5 | PLO6 | PLO7 | PLO8 | PLO9 |
|---------------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| CLO 1 | | | | H | H | H | M | M | M |
| CLO 2 | | | | H | H | H | M | M | M |
| CLO 3 | | | | H | H | H | M | M | M |
| CLO 4 | | | | H | H | H | H | H | H |
| CLO 5 | | | | H | H | H | H | H | H |
| CLO 6 | | | | H | H | H | H | H | H |
| CLO 7 | | | | M | M | M | H | H | H |
| Tổng hợp toàn bộ học phần | | | | H | H | H | H | H | H |

Ghi chú:

- PLO = Program Learning Outcomes = Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

- Mức độ đóng góp của CLO và PLO được xác định cụ thể như sau:

L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO

M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO

H (High) - CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: H – cao; M – vừa; L – thấp – phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu; có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế (mức M) hay mức thuần thực, thành thạo (H)).

4.3. Ma trận nhất quán giữa phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá với chuẩn đầu ra học phần (CLO)

❖ Ghi chú: Khi xây dựng bảng này, xem mục 5.1 để về các hình thức kiểm tra, đánh giá mà giảng viên sử dụng khi giảng dạy học phần

| Hình thức đánh giá | CLO1 | CLO2 | CLO3 | CLO4 | CLO5 | CLO6 | CLO7 |
|--------------------|------|------|------|------|------|------|------|
| 1. Chuyên cần | H | H | H | M | M | M | M |
| 2. Vấn đáp/BTL | H | H | H | H | H | H | H |
| 3. Viết | H | H | H | M | M | M | M |
| 4. Thực hành | | | | | | | |

4.4. Ma trận nhất quán giữa phương pháp dạy học với chuẩn đầu ra học phần (CLO)

| Phương pháp giảng dạy | CLO1 | CLO2 | CLO3 | CLO4 | CLO5 | CLO6 | CLO7 |
|-------------------------------------|------|------|------|------|------|------|------|
| 1. Thuyết trình (Trực tiếp, Online) | M | M | M | | | | |
| 2. Dạy & học thực hành | H | H | H | H | H | H | H |
| 3. Hướng dẫn tự học | M | M | M | | | | M |

4.5. Ma trận nhất quán các chương với chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Chú thích: I: Introduction/ Giới thiệu

P: Proficient/ Thuần thực, đủ

A: Advanced/ Nâng cao

| | CLO1 | CLO2 | CLO3 | CLO4 | CLO5 | CLO6 | CLO7 |
|-------|------|------|------|------|------|------|------|
| Bài 1 | I | I | I | P | P | P | P |
| Bài 2 | A | A | A | I | A | A | P |
| Bài 3 | A | A | A | A | A | A | P |
| Bài 4 | A | A | A | A | A | A | P |
| Bài 5 | A | A | A | P | A | A | P |
| Bài 6 | A | A | A | A | A | A | P |
| Bài 7 | A | A | A | P | A | A | P |
| Bài 8 | A | A | A | A | A | A | P |

| | | | | | | | |
|--------|---|---|---|---|---|---|---|
| Bài 9 | A | A | A | A | A | A | P |
| Bài 10 | A | A | A | A | A | A | P |
| Bài 11 | A | A | A | P | A | A | P |
| Bài 12 | A | A | A | A | A | A | P |
| Bài 13 | A | A | A | A | A | A | P |
| Bài 14 | A | A | A | A | A | A | P |
| Bài 15 | A | A | A | A | A | A | P |
| Bài 16 | A | A | A | I | A | A | A |

(Xem chi tiết tiêu đề các Bài dạy ở Mục 8)

5. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, trong phòng thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên;
- Bài tập, thảo luận:
 - + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

6. Tài liệu học tập:

6.1. Giáo trình chính:

[1]. TS. Phùng Văn Ôn (2022), *Thương mại và Ngân hàng điện tử*. NXB Thống kê.

6.2. Sách tham khảo:

[2]. Vũ Thị Lợi, Nguyễn Bá Nha (2014): *Giáo trình Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại*. NXB Thống kê.

7. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về về thương mại điện tử và ngân hàng điện tử, các dạng mô hình của thương mại điện tử, các tác động lên tổ chức, ngành công nghiệp nói chung, các thể hiện của thương mại điện tử và các vấn đề chính trong phát triển lĩnh vực thương mại điện tử. Các vấn đề hạ tầng kỹ thuật và công nghệ trong phát triển các ứng dụng thương mại điện tử.

Chương 1. Tổng quan về thương mại điện tử. Nội dung chương này chủ yếu giới thiệu các khái niệm, đặc trưng, chức năng, hình thức hoạt động, lợi ích, hạn chế, lịch sử phát triển của thương mại điện tử; tình hình phát triển thương mại điện tử ở Việt Nam.

Chương 2. Các hình thức giao dịch TMĐT. Nội dung chương này giới thiệu tổng quan về giao dịch điện tử, các hình thức giao dịch điện tử giữa doanh nghiệp với doanh

ngiệp (B2B), Doanh nghiệp và Người tiêu dùng (B2C), Doanh nghiệp và Chính phủ (B2G) và các mô hình thực hiện thương mại điện tử.

Chương 3. Thanh toán điện tử. Nội dung chương này trình bày tổng quan về thanh toán điện tử, Vai trò của ngân hàng trong thanh toán điện tử, các mô hình thanh toán điện tử, các dịch vụ thanh toán điện tử,...

Chương 4. Xây dựng hệ thống TMĐT. Nội dung chương này trình bày về cơ sở hạ tầng cho thương mại điện tử, an toàn, bảo mật thông tin trong thương mại điện tử; quy trình và các giải pháp triển khai thương mại điện tử; thiết kế, xây dựng Website thương mại điện tử và cuối cùng là một số nền tảng phát triển Website thương mại điện tử.

Chương 5. Ngân hàng điện tử. Nội dung chương này giới thiệu tổng quan về các hoạt động ngân hàng thương mại; các dịch vụ của ngân hàng điện tử; lợi ích và hạn chế của ngân hàng điện tử; xu hướng phát triển của ngân hàng điện tử.

8. Kế hoạch giảng dạy:

| Bài dạy | Nội dung giảng dạy | Số tiết | | | Nhiệm vụ của sinh viên |
|---------|---|---------|--------|--------|---|
| | | LT | KT, BT | TL, TH | |
| Bài 1 | <p>+ Giới thiệu đề cương chi tiết học phần</p> <p>+ Chương 1. Tổng quan về thương mại điện tử</p> <p>1.1. Khái quát về thương mại</p> <p>1.2. Khái niệm thương mại điện tử</p> <p>1.3. Các đặc trưng của thương mại điện tử</p> <p>1.4. Các chức năng của thương mại điện tử</p> <p>1.5. Sự khác biệt của thương mại điện tử và thương mại truyền thống</p> <p>* Cuối buổi học sẽ phân nhóm làm Bài tập lớn</p> | 3 | | | Nghiên cứu mục 1.1-1.5 chương 1 giáo trình và làm Bài tập theo hướng dẫn của GV |
| Bài 2 | <p>1.6. Lợi ích và hạn chế của thương mại điện tử</p> <p>1.7. Lịch sử phát triển của thương mại điện tử</p> <p>1.8. Quá trình hình thành và phát triển về thương mại điện tử ở Việt Nam</p> <p>+ Thảo luận</p> | 2 | | 1 | Nghiên cứu mục 1.6-1.8 chương 1 giáo trình và làm Bài tập theo hướng dẫn của GV |
| Bài 3 | <p>Chương 2. Các mô hình tổ chức hoạt động thương mại điện tử</p> <p>2.1. Khái niệm, nguyên tắc và phân loại mô hình tổ chức hoạt động thương mại điện tử</p> | 3 | | | Nghiên cứu mục 2.1-2.5 chương 2 giáo trình và làm Bài tập theo hướng dẫn của GV |

| Bài dạy | Nội dung giảng dạy | Số tiết | | | Nhiệm vụ của sinh viên |
|---------|---|---------|--------|--------|---|
| | | LT | KT, BT | TL, TH | |
| | 2.2. Mô hình website thương mại điện tử bán hàng 2.3. Mô hình website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử 2.4. Mô hình thương mại điện tử trên mạng xã hội 2.5. Thương mại điện tử qua các ứng dụng di động | | | | |
| Bài 4 | Chương 3. Giao dịch trong thương mại điện tử 3.1. Tổng quan về giao dịch thương mại điện tử 3.2. Các phương thức giao dịch thương mại điện tử 3.3. Chứng từ điện tử 3.4. Hợp đồng điện tử 3.5. Sử dụng chữ ký số trong giao dịch điện tử | 3 | | | Nghiên cứu mục 3.1-3.5 chương 3 giáo trình và làm Bài tập theo hướng dẫn của GV |
| Bài 5 | Bài tập lớn lần 1 Kiểm tra lần 1 (1 tiết) | | 3 | | Ôn tập để làm bài kiểm tra |
| Bài 6 | Chương 4. Ngân hàng điện tử 4.1. Khái quát về ngân hàng truyền thống 4.2. Ngân hàng điện tử 4.3. Quá trình hình thành và xu hướng phát triển của ngân hàng điện tử | 3 | | | Nghiên cứu mục 4.1-4.3 chương 4 giáo trình và làm Bài tập theo hướng dẫn của GV |
| Bài 7 | Bài tập lớn lần 2 | | 3 | | Các nhóm viết báo cáo kết quả khảo sát |
| Bài 8 | Chương 5. Thanh toán điện tử 5.1. Khái quát về thanh toán điện tử 5.2. Lợi ích và hạn chế trong thanh toán điện tử 5.3. Vai trò của ngân hàng trong thanh toán | 2 | | 1 | Nghiên cứu mục 5.1-5.4 chương 5 giáo trình và làm Bài tập theo hướng dẫn của GV |

| Bài dạy | Nội dung giảng dạy | Số tiết | | | Nhiệm vụ của sinh viên |
|---------|--|---------|--------|--------|--|
| | | LT | KT, BT | TL, TH | |
| | điện tử 5.4. Hệ thống thanh toán điện tử | | | | |
| Bài 9 | 5.5. Các phương thức thanh toán điện tử 5.6. Thanh toán điện tử giữa Doanh nghiệp và Người tiêu dùng 5.7 Thanh toán điện tử tại Việt Nam | 3 | | | Nghiên cứu mục 5.5-5.7 chương 5 giáo trình và làm Bài tập theo hướng dẫn của GV |
| Bài 10 | Chương 6. Phát triển thương mại, ngân hàng điện tử 6.1. Cơ sở hạ tầng cho thương mại, ngân hàng điện tử 6.2. Giải pháp phát triển thương mại, ngân hàng điện tử Việt Nam hiện nay 6.3. Quy trình triển khai các hệ thống thương mại điện tử, ngân hàng điện tử + Thảo luận | 2 | | 1 | Nghiên cứu mục 6.1-.6.3 chương 6 giáo trình và làm Bài tập theo hướng dẫn của GV |
| Bài 11 | 6.4. Thiết kế, xây dựng website 6.5. Một số nền tảng hỗ trợ xây dựng website + Thảo luận | 2 | | 1 | Nghiên cứu mục 6.4-.6.5 chương 6 giáo trình và làm Bài tập theo hướng dẫn của GV |
| Bài 12 | Bài tập lớn lần 3 | | 3 | | Các nhóm viết báo cáo kết quả thiết kế website |
| Bài 13 | Chương 7. An toàn, bảo mật trong thương mại và ngân hàng điện tử 7.1. Khái quát chung 7.2. Rủi ro và một số sự cố an toàn, bảo mật trong thương mại, ngân hàng điện tử + Thảo luận | 2 | | 1 | Nghiên cứu mục 7.1-.7.2 chương 7 giáo trình và làm Bài tập theo hướng dẫn của GV |
| Bài 14 | Báo cáo kết quả Bài tập lớn lần 4 Kiểm tra lần 2 (1 tiết) | | 3 | | Ôn tập để làm bài kiểm tra |
| Bài 15 | 7.3. Giải pháp bảo đảm an toàn, bảo mật | 2 | | 1 | Nghiên cứu mục 7.3 chương 7 giáo |

| Bài dạy | Nội dung giảng dạy | Số tiết | | | Nhiệm vụ của sinh viên |
|---------|---|-----------|-----------|----------|--|
| | | LT | KT, BT | TL, TH | |
| | trong thương mại và ngân hàng điện tử (Bảo đảm an toàn hệ thống mạng, Phòng chống mã độc, sao lưu dữ liệu) + Thảo luận | | | | trình và làm Bài tập theo hướng dẫn của GV |
| Bài 16 | + Bài tập lớn lần cuối + Đánh giá Bài tập lớn (lấy điểm kiểm tra thứ 3) + Tổng kết học phần | | 3 | | Các nhóm viết báo cáo kết quả xây dựng website |
| | Tổng cộng | 27 | 15 | 6 | |

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

- Tên giảng đường:
- Danh mục trang thiết bị (bao gồm cả phương tiện công nghệ):

10. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập:

10.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá

10.1.1 Kiểm tra – đánh giá thường xuyên: Trên lớp (Lấy điểm chuyên cần)

| STT | Hình thức đánh giá | Trọng số | Yêu cầu chung, mục đích, minh chứng |
|-----|---|----------|---|
| 1. | Điểm chuyên cần: Đánh giá mức độ thực hiện các nhiệm vụ sinh viên, bao gồm việc tham gia học tập trên lớp và kiểm tra, đánh giá thường xuyên trên lớp | 10% | + Mục đích: Giúp sinh viên duy trì ý thức, kỷ luật trong học tập. + Yêu cầu: Sinh viên đi học đều đặn, đúng giờ. Sinh viên thực hiện đầy đủ các yêu cầu chuẩn bị học tập của GV. |

10.1.2. Kiểm tra - đánh giá định kỳ và thi hết học phần

| STT | Hình thức đánh giá | Trọng số | Yêu cầu chung, mục đích, minh chứng |
|-----|---|----------|--|
| 1. | 02 bài kiểm tra trong kỳ: Trắc nghiệm 45 phút và 01 đánh giá theo Bài tập lớn | 30% | + Mục đích: Giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học. + Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập |
| 2. | Bài thi kết thúc học phần: Trắc nghiệm 60 phút | 60% | + Mục đích: Đánh giá kết quả học tập toàn bộ học phần của SV. + Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập |

10.2. Miêu tả chi tiết các bài kiểm tra trong kỳ, bài thi hết học phần và bộ tiêu chí

đánh giá:

- Bài kiểm tra trong kỳ, bài thi hết học phần: Viết bài.
- Mô tả chi tiết:

(1) Sinh viên sẽ làm 02 bài kiểm tra trắc nghiệm 45 phút vào giữa kỳ và cuối kỳ trong phạm vi nội dung đã được học.

(2) Sinh viên sẽ làm bài thi trắc nghiệm hết học phần 60 phút sau khi học xong toàn bộ học phần.

(3) Các bài kiểm tra viết này thể hiện kết quả học trên lớp, tự học, thực hành, làm bài tập mà sinh viên đã thực hiện cũng như khả năng vận dụng những kiến thức đã được học.

❖ Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra, bài thi kết thúc học phần

| Tiêu chí đánh giá | Mức chất lượng | Thang điểm |
|--|----------------|------------|
| – Nội dung đủ, trả lời đúng 100% câu hỏi. | Xuất sắc | 9-10 |
| – Trả lời đúng 70-80% câu hỏi. | Khá- Giỏi | 7-8 |
| – Trả lời đúng 50-60% câu hỏi. | Trung bình | 5-6 |
| – Trả lời đúng dưới mức 50% câu hỏi.. | Yếu | 3-5 |
| – Trả lời sai, lạc đề, phần trả lời đúng dưới mức 30%. | Kém | 0-3 |

10.3. Chính sách trong đánh giá chuyên cần:

- Sinh viên vắng mặt quá 20% số buổi sẽ không được làm bài thi kết thúc học phần.
- Có điểm thưởng cho sinh viên tích cực phát biểu, ham học hỏi, có sự sáng tạo trong thảo luận, tranh biện.

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2019

Hiệu trưởng

Trưởng Khoa

Trưởng bộ môn

Người soạn đề cương

PGS.TS. Phạm Ngọc Ánh

TS. Phùng Văn Ổn

ThS. Vũ Minh Tâm

TS. Phùng Văn Ổn